

PHIẾU XỬ LÝ HỒ SƠ CÔNG TÁC XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN
Lớp: D17_MAR04 – Đợt tháng: 10/2019

| STT | MSSV | Họ và tên | Số ngày được công nhận | Số ngày chưa công nhận | Số ngày không công nhận |
|-----|------------|-------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|
| 1 | DH71701775 | Nguyễn Trường An | | | Không nộp hồ sơ |
| 2 | DH71703076 | Huỳnh Thị Hoàng Anh | 30 | | |
| 3 | DH71703083 | Nguyễn Hoàng Phương Anh | | | Không nộp hồ sơ |
| 4 | DH71703125 | Nguyễn Thanh Bình | | | |
| 5 | DH71703207 | Nguyễn Công Danh | | | |
| 6 | DH71703222 | Trần Thị Kiều Dung | 4.5 | | |
| 7 | DH71703257 | Cao Nguyễn Minh Duyên | 3 | | |
| 8 | DH71703263 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên | | | Không nộp hồ sơ |
| 9 | DH71703273 | Lê Trần Bảo Dương | | | |
| 10 | DH71703315 | Lê Đình Đạt | | | |
| 11 | DH71703343 | Lê Thị Mỹ Hà | | | |
| 12 | DH71701345 | Phạm Thị Minh Hậu | | | |
| 13 | DH71701354 | Nguyễn Minh Hiếu | | | |
| 14 | DH71704872 | Nguyễn Lê Xuân Hoa | 3 | | |
| 15 | DH71703492 | Trần Lương Gia Huy | 1 | | |
| 16 | DH71703542 | Nguyễn Dương Nhật Khánh | | | Không nộp hồ sơ |
| 17 | DH71700959 | Nguyễn Ngọc Mai | | | |
| 18 | DH71703737 | Vy Thị Bích Mạo | | | |
| 19 | DH71703717 | Lê Quang Minh | | | |
| 20 | DH71703719 | Nguyễn Cao Minh | | | |
| 21 | DH71703721 | Nguyễn Tá Minh | | | |
| 22 | DH71703827 | Nguyễn Thị Hạnh Nguyên | 1 | | |
| 23 | DH71703869 | Trần Thị Vân Nhi | 2 | | |
| 24 | DH71700201 | Võ Thị Tuyết Nhung | 2 | | |

| STT | MSSV | Họ và tên | Số ngày được công nhận | Số ngày chưa công nhận | Số ngày không công nhận |
|-----|------------|-------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| 25 | DH71705269 | Nguyễn Thị Cẩm Như | | | Không nộp hồ sơ |
| 26 | DH71700155 | Phạm Thị Quỳnh Như | | | |
| 27 | DH71701328 | Trần Thị Quỳnh Như | | | |
| 28 | DH71703888 | Nguyễn Minh Nhật | | | |
| 29 | DH71703923 | Châu Hữu Phát | | | |
| 30 | DH71703952 | Võ Hoài Phong | | | |
| 31 | DH71704206 | Sầm Thị Thanh Thảo | | | |
| 32 | DH71704209 | Vũ Ngọc Thanh Thảo | | | |
| 33 | DH71702206 | Dương Thừa Thiên | | | |
| 34 | DH71704931 | Đỗ Thị Minh Thư | 3 | | |
| 35 | DH71704253 | Nguyễn Võ Anh Thư | | | Không nộp hồ sơ |
| 36 | DH71702287 | Đặng Thị Ngọc Tiên | | | |
| 37 | DH71700722 | Vòng Thái Toàn | 15 | | |
| 38 | DH71704321 | Đỗ Cao Thanh Trà | 9 | | |
| 39 | DH71704350 | Diệp Thượng Trân | | | Không nộp hồ sơ |
| 40 | DH71704357 | Phạm Hồng Bảo Trân | | | |
| 41 | DH71700436 | Trần Trung Trí | | | |
| 42 | DH71705238 | Cao Nguyễn Phương Trinh | | | |
| 43 | DH71704372 | Nguyễn Hoài Bảo Trinh | | | |
| 44 | DH71704382 | Đặng Huỳnh Thanh Trúc | | | |
| 45 | DH71704386 | Nguyễn Thùy Thanh Trúc | | | |
| 46 | DH71704410 | Võ Hồ Thị Thanh Truyền | | | |
| 47 | DH71704469 | Nguyễn Thị Cẩm Tuyên | 3 | | |
| 48 | DH71700805 | Nguyễn Thanh Tuyên | 21 | | |
| 49 | DH71704474 | Nguyễn Thị Bích Tuyên | 1.5 | | |
| 50 | DH71700055 | Nguyễn Hoàng Mỹ Uyên | | | Không nộp hồ sơ |
| 51 | DH71704502 | Phạm Thảo Uyên | | | |
| 52 | DH71704519 | Nguyễn Đặng Thúy Vi | 0.5 | | |

| STT | MSSV | Họ và tên | Số ngày được công nhận | Số ngày chưa công nhận | Số ngày không công nhận |
|------------|-------------|------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|--|
| 53 | DH71704521 | Nguyễn Thị Thúy | Vi | Không nộp hồ sơ | |
| 54 | DH71700491 | Nguyễn Tường | Vi | | |
| 55 | DH71704528 | Nguyễn Trà | Viên | | |
| 56 | DH71704556 | Ngô Thị Thúy | Vy | | |
| 57 | DH71704558 | Nguyễn Thị Hoàng | Vy | | |
| 58 | DH71704982 | Nguyễn Ngọc | Xinh | | |

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2020

Người lập bảng

Phụ trách phòng Công tác Sinh viên

(Đã ký)

(Đã ký)

KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân

ThS. Lê Thị Phương Hằng

Nơi nhận:

- Các Khoa;
- Lớp sinh viên như trên;
- Lưu P.CTSV.